

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THỂ VÀ  
VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 27



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện (nay là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22/01/2013)
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/01/2013)
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Dũng	Ủy viên
Ông Trương Thanh Hà	Ủy viên

Các thành viên của Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Minh	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2013)
Ông Trần Long Trí	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2013)

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 23/04/2013)
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23/04/2013)
Bà Trần Thị Thuộc	Ủy viên
Bà Lê Vân Anh	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

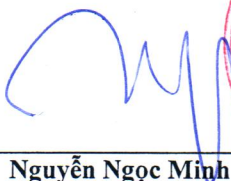
Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Minh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Số: 477 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội được lập ngày 10/02/2014, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2014

---

**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0593-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>30.946.026.444</b>	<b>30.501.394.312</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.076.730.496	8.195.317.803
111	1. Tiền		3.576.730.496	3.195.317.803
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.500.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.940.265.880	1.761.400.370
131	1. Phải thu khách hàng		6.978.678.963	7.165.193.984
135	2. Các khoản phải thu khác	4	25.237.407	49.548.056
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.063.650.490)	(5.453.341.670)
140	IV. Hàng tồn kho	5	19.584.252.113	20.505.600.234
141	1. Hàng tồn kho		19.731.741.024	20.505.600.234
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(147.488.911)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		344.777.955	39.075.905
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		77.496.818	21.507.905
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		83.473.637	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	183.807.500	17.568.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>16.043.422.159</b>	<b>17.602.366.724</b>
220	II. Tài sản cố định		15.805.143.006	17.334.294.726
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	11.795.080.506	13.324.232.226
222	- Nguyên giá		30.957.931.561	32.963.008.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.162.851.055)	(19.638.775.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	16.274.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(16.274.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	4.010.062.500	4.010.062.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		238.279.153	268.071.998
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	238.279.153	268.071.998
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>46.989.448.603</b>	<b>48.103.761.036</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.171.185.814</b>	<b>16.053.899.823</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		18.171.185.814	16.035.899.823
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	1.000.000.000	5.670.000.000
312	2. Phải trả người bán		12.537.872.756	6.038.329.772
313	3. Người mua trả tiền trước		573.511.755	761.623.475
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	275.361.812	279.793.255
315	5. Phải trả người lao động		157.628.458	72.332.824
316	6. Chi phí phải trả	12	826.329.230	725.674.500
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	2.787.903.400	2.422.267.594
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.578.403	65.878.403
330	II. Nợ dài hạn		-	18.000.000
338	1. Doanh thu chưa thực hiện		-	18.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>28.818.262.789</b>	<b>32.049.861.213</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	26.448.308.789	29.679.907.213
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.197.775.000	4.197.775.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.583.775.960	3.583.775.960
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.778.242.171)	(13.546.643.747)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.369.954.000	2.369.954.000
432	1. Nguồn kinh phí	15	2.369.954.000	2.369.954.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>46.989.448.603</b>	<b>48.103.761.036</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
1. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		2.490.000.000	2.490.000.000

Nguyễn Thị Lý  
Người lập

Đặng Xuân Sang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	20.745.677.674	16.707.724.029
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	702.719.840	1.417.735.953
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.042.957.834	15.289.988.076
11	4. Giá vốn hàng bán	18	18.418.264.762	14.744.411.998
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.624.693.072	545.576.078
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	352.732.033	1.009.539.574
22	7. Chi phí tài chính	20	76.250.500	640.650.504
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		76.250.500	640.650.504
24	8. Chi phí bán hàng	21	468.348.069	259.896.290
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.409.955.225	10.572.474.396
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(977.128.689)	(9.917.905.538)
31	11. Thu nhập khác	23	705.385.453	-
32	12. Chi phí khác	24	2.959.855.188	3.628.738.209
40	13. Lợi nhuận khác		(2.254.469.735)	(3.628.738.209)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.231.598.424)	(13.546.643.747)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(3.231.598.424)</u>	<u>(13.546.643.747)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(923)	(3.870)



Nguyễn Thị Lý  
Người lập



Đặng Xuân Sang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		21.248.332.674	21.450.988.304
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(10.007.308.639)	(11.662.995.388)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.859.822.080)	(3.058.481.200)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(344.864.310)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(377.297.813)	(213.169.750)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		766.959.392	338.432.146
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.025.016.208)	(10.310.601.423)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>4.745.847.326</b>	<b>(3.800.691.621)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(220.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		451.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		354.565.367	992.609.018
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>805.565.367</b>	<b>772.609.018</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.670.000.000)	(37.000.005)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.357.582.100)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(4.670.000.000)</b>	<b>(1.394.582.105)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>881.412.693</b>	<b>(4.422.664.708)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8.195.317.803</b>	<b>12.617.982.511</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>9.076.730.496</b>	<b>8.195.317.803</b>

Nguyễn Thị Lý  
Người lập

Đặng Xuân Sang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện (nay là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 11, Đường K2, Thị trấn Cầu Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn). Tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100779340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 09 năm 2005, thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 01 năm 2013, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện và vật liệu cách điện;
- Sản xuất, mua bán máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110KV;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hoá, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Giá trị Máy biến áp được xác định theo phương pháp đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Từ tháng 6 năm 2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó, Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm tài chính

## 2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.13. Ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14. Các khoản thuế

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	300.553.395	138.357.835
Tiền gửi ngân hàng	3.276.177.101	3.056.959.968
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	5.000.000.000
	<b>9.076.730.496</b>	<b>8.195.317.803</b>

(\*): Là giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng hoặc 3 tháng với lãi suất 6%/năm đến 7%/năm.

## 4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	25.237.407	49.548.056
- Phải thu về tiền Bảo hiểm y tế	-	32.617.500
- Phải thu về lãi tiền gửi dự thu	15.097.222	16.930.556
- Phải thu các đối tượng khác	10.140.185	-
	<b>25.237.407</b>	<b>49.548.056</b>

## 5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.934.333.250	12.828.291.738
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	368.751.853	635.777.691
Thành phẩm	6.867.541.432	6.779.081.374
Hàng hoá	561.114.489	-
Hàng gửi đi bán	-	262.449.431
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(147.488.911)	-
	<b>19.584.252.113</b>	<b>20.505.600.234</b>

## 6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	78.830.000	11.430.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.977.500	6.138.000
	<b>183.807.500</b>	<b>17.568.000</b>



**7. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	13.065.705.333	16.412.939.409	2.096.248.331	1.388.115.084	32.963.008.157					
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-					
Số giảm trong năm	-	(1.095.285.168)	(502.115.962)	(407.675.466)	(2.005.076.596)					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(396.752.808)	(484.615.962)	(152.280.000)	(1.033.648.770)					
- <i>Giảm khác (*)</i>	-	(698.532.360)	(17.500.000)	(255.395.466)	(971.427.826)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.065.705.333</b>	<b>15.317.654.241</b>	<b>1.594.132.369</b>	<b>980.439.618</b>	<b>30.957.931.561</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	6.922.989.473	10.071.877.290	1.440.375.709	1.203.533.459	19.638.775.931					
Số tăng trong năm	183.570.890	1.034.066.655	114.503.541	50.751.067	1.382.892.153					
- <i>Khấu hao trong năm</i>	183.570.890	1.034.066.655	114.503.541	50.751.067	1.382.892.153					
Số giảm trong năm	-	(952.671.431)	(498.470.132)	(407.675.466)	(1.858.817.029)					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(282.291.339)	(484.615.962)	(152.280.000)	(919.187.301)					
- <i>Giảm khác (*)</i>	-	(670.380.092)	(13.854.170)	(255.395.466)	(939.629.728)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.106.560.363</b>	<b>10.153.272.514</b>	<b>1.056.409.118</b>	<b>846.609.060</b>	<b>19.162.851.055</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	6.142.715.860	6.341.062.119	655.872.622	184.581.625	13.324.232.226					
Tại ngày cuối năm	5.959.144.970	5.164.381.727	537.723.251	133.830.558	11.795.080.506					

- (\*) : Giám do điều chỉnh các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.753.172.910 đồng.

### 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>		
- Máy hồ quang xoay chiều, có biến thế và tụ	484.462.500	484.462.500
- Máy đột dập nhập khẩu	3.525.600.000	3.525.600.000
	<b>4.010.062.500</b>	<b>4.010.062.500</b>

Chi phí mua sắm tài sản cố định tại ngày 31/12/2013 là chi phí phát sinh từ Dự án Sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Nhà nước "Sản xuất thử nghiệm loạt Máy biến áp khô 3 pha công suất đến 2.500KVA và điện áp 22KV" được Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội tổ chức thực hiện. Các máy móc này được nhập về nhưng quá trình chạy thử không đạt yêu cầu. Đến nay, do nhiều nguyên nhân khách quan Công ty đã xin dừng dự án và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý lô thiết bị đã mua sắm nêu trên.

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	268.071.998	233.169.031
Số tăng trong năm	132.517.827	227.607.984
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(162.310.672)	(192.705.017)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>238.279.153</b>	<b>268.071.998</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa	238.069.983	260.464.014
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	209.170	7.607.984
	<b>238.279.153</b>	<b>268.071.998</b>

### 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn đối tượng khác</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>5.670.000.000</b>
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	1.000.000.000	5.670.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>5.670.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan tới khoản vay:

Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/TBĐVN - CTBT ngày 03/01/2013 (sửa đổi theo Phụ lục hợp đồng ngày 07/01/2014) giữa Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội với các điều khoản chi tiết như sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 1.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 31/03/2014;
- Lãi suất vay: 7%/năm;
- Hình thức bảo đảm khoản vay: **Tín chấp.**

### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	275.361.812	274.148.266
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.644.989
	<b>275.361.812</b>	<b>279.793.255</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	751.925.000	675.674.500
Chi phí phải trả khác	74.404.230	50.000.000
	<b>826.329.230</b>	<b>725.674.500</b>

### 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	87.296.894
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.787.903.400	2.334.970.700
- <i>Cổ tức phải trả cổ đông Tổng Công ty Thiết Bị điện Việt Nam</i>	2.329.786.500	2.329.786.500
- <i>Trợ cấp thôi việc phải trả</i>	457.659.800	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác (cổ tức)</i>	457.100	5.184.200
	<b>2.787.903.400</b>	<b>2.422.267.594</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	4.197.775.000	3.583.775.960	295.000.000	2.807.917.825	45.884.468.785
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(13.546.643.747)	(13.546.643.747)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(2.450.000.000)	(2.450.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	150.000.000	(357.917.825)	(207.917.825)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.197.775.000</b>	<b>3.583.775.960</b>	<b>445.000.000</b>	<b>(13.546.643.747)</b>	<b>29.679.907.213</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(3.231.598.424)	(3.231.598.424)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.197.775.000</b>	<b>3.583.775.960</b>	<b>445.000.000</b>	<b>(16.778.242.171)</b>	<b>26.448.308.789</b>



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thiết bị điện VN	17.320.910.000	49,49%	17.320.910.000	49,49%
Vốn góp của đối tượng khác	17.679.090.000	50,51%	17.679.090.000	50,51%
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	35.000.000.000	35.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.450.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	2.450.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	3.583.775.960	3.583.775.960
- Quỹ dự phòng tài chính	445.000.000	445.000.000

15. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	2.369.954.000	2.369.954.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>2.369.954.000</b>	<b>2.369.954.000</b>

Nguồn kinh phí được Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công thương cấp theo Dự án Sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Nhà nước "Sản xuất thử nghiệm loạt Máy biến áp khô 3 pha công suất đến 2.500KVA và điện áp 22KV". Tổng nguồn vốn đã được cấp là 2.843.000.000 đồng, số đã chi trả cho các khoản chi thường xuyên là 473.046.000 đồng.

**16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	9.955.625.096	1.246.628.354
Doanh thu bán thành phẩm	9.253.413.344	15.154.772.358
Doanh thu cho thuê nhà, xưởng	1.536.639.234	306.323.317
	<b>20.745.677.674</b>	<b>16.707.724.029</b>

**17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	927.500.000
Hàng bán bị trả lại	702.719.840	490.235.953
	<b>702.719.840</b>	<b>1.417.735.953</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	8.827.209.029	1.383.754.613
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.443.566.822	13.360.657.385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	147.488.911	-
	<b>18.418.264.762</b>	<b>14.744.411.998</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	352.732.033	1.009.539.574
	<b>352.732.033</b>	<b>1.009.539.574</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	76.250.500	640.650.504
	<b>76.250.500</b>	<b>640.650.504</b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	322.948.479	232.864.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.499.999	-
Chi phí khác bằng tiền	66.899.591	27.031.500
	<b>468.348.069</b>	<b>259.896.290</b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.558.679	77.707.981
Chi phí nhân công	1.049.670.061	1.605.431.296
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	24.787.784	7.972.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.633.021	307.430.369
Thuế, phí và lệ phí	499.757.871	308.447.130
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(389.691.180)	2.964.824.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.771.454	358.507.493
Chi phí khác bằng tiền	743.467.535	4.942.152.682
	<b>2.409.955.225</b>	<b>10.572.474.396</b>

## 23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	410.000.000	-
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	260.000.000	-
Thu nhập khác	35.385.453	-
	<b>705.385.453</b>	<b>-</b>

## 24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	114.461.469	-
Thuế VAT không được khấu trừ do Công ty tự phát hiện	231.987.000	-
Ghi nhận chi phí phạt và truy thu thuế (*)	2.539.811.978	3.628.738.209
Chi phí khác	73.594.741	-
	<b>2.959.855.188</b>	<b>3.628.738.209</b>

(\*): Là khoản truy thu và phạt theo Phụ lục Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 01/08/2013 cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011 với tổng số tiền bị phạt và truy thu là 6.168.550.187 đồng (trong đó, số tiền truy thu Thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp là 3.769.554.023 đồng, số tiền phạt là 2.398.996.165 đồng). Trong tổng số tiền bị phạt và truy thu này, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào kết quả kinh doanh năm 2012 với số tiền 3.628.738.209 đồng theo Kết luận thanh tra số 13574/KL-CT-TTr1 ngày 05/06/2012 của Cục trưởng Cục thuế Hà Nội, số tiền còn lại là 2.539.811.978 đồng Công ty ghi nhận vào chi phí năm 2013.

## 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013
	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(3.231.598.424)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.956.891.478
- Khoản VAT đầu vào không được khấu trừ do Công ty tự phát hiện	231.987.000
- Các khoản tiền phạt và truy thu thuế	2.539.811.978
- Chi phí giải quyết lao động dôi dư sau ngày 01/01/2009	185.092.500
Thu nhập chịu thuế TNDN	(274.706.946)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	377.297.813
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(377.297.813)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>	<b>-</b>

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.231.598.424)	(13.546.643.747)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.231.598.424)	(13.546.643.747)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(923)</b>	<b>(3.870)</b>

## 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.193.970.702	8.928.043.336
Chi phí nhân công	2.822.582.382	3.663.046.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.382.892.153	1.237.270.534
Thuế, phí và lệ phí	499.757.871	308.447.130
Hoàn nhập dự phòng	(389.691.180)	2.964.824.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.142.716	805.700.316
Chi phí khác bằng tiền	888.622.307	5.172.397.787
	<b>11.868.276.951</b>	<b>23.079.730.676</b>



## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.076.730.496	-	8.195.317.803	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.003.916.370	(5.063.650.490)	7.214.742.040	(5.453.341.670)
	<b>16.080.646.866</b>	<b>(5.063.650.490)</b>	<b>15.410.059.843</b>	<b>(5.453.341.670)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.000.000.000	5.670.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.325.776.156	8.460.597.366
Chi phí phải trả	826.329.230	725.674.500
	<b>17.152.105.386</b>	<b>14.856.271.866</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.076.730.496	-	-	9.076.730.496
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.940.265.880	-	-	1.940.265.880
<b>Cộng</b>	<b>11.016.996.376</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.016.996.376</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.195.317.803	-	-	8.195.317.803
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.390.138.579	-	-	5.390.138.579
<b>Cộng</b>	<b>13.585.456.382</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.585.456.382</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.325.776.156	-	-	15.325.776.156
Chi phí phải trả	826.329.230	-	-	826.329.230
	<b>17.152.105.386</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.152.105.386</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	5.670.000.000	-	-	5.670.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.460.597.366	-	-	8.460.597.366
Chi phí phải trả	725.674.500	-	-	725.674.500
	<b>14.856.271.866</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.856.271.866</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh Máy biến áp và thiết bị điện, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lãi vay</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	76.250.500	572.002.005
<b>Mua hàng hóa</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	8.776.729.300	1.528.238.690
<b>Thanh toán cổ tức</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.087.233.700
<b>Bán hàng</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	121.500.000	63.250.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	63.250.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	7.978.681.120	1.528.238.690
<b>Phải trả khác</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	2.329.786.500	2.329.786.500
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.000.000.000	5.670.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>			
Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	751.925.000	675.674.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	317.139.100	483.469.000

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Theo Kết luận thanh tra số 13574/KL-CT-TTr1 ngày 05/06/2012 của Cục trưởng Cục thuế Hà Nội, thuế Giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ số tiền là 3.628.738.209 đồng. Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ trên. Do đó, một số chỉ tiêu đã

được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Mã số	Số liệu điều chỉnh VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	49.548.056	3.678.286.265
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(13.546.643.747)	(9.917.905.538)
<b>b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh</b>			
Chi phí khác	32	3.628.738.209	-
Lợi nhuận khác	40	(3.628.738.209)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(13.546.643.747)	(9.917.905.538)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	(13.546.643.747)	(9.917.905.538)

Nguyễn Thị Lý  
Người lập

Đặng Xuân Sang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

